

Số:/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày ... tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trương Thụy Bảo Q, sinh năm 1984; Đăng ký HKTT: Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1985; Đăng ký HKTT: Bà Triệu, phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, chỗ ở: Nguyễn Hoàng, phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 06 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Thụy Bảo Q và chị Nguyễn Thị Xuân N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trương Thụy Bảo Q, chị Nguyễn Thị Xuân N xác nhận có 02 con chung tên là cháu Trương Thị Linh Đ, sinh ngày 17/04/2005 và cháu Trương Thụy Bảo L, sinh ngày 11/06/2007. Anh Trương Thụy Bảo Q và chị Nguyễn Thị Xuân N thoả thuận: giao cả 02 con là cháu Trương Thị Linh Đ, sinh ngày 17/04/2005 và cháu Trương Thụy Bảo L, sinh ngày 11/06/2007 cho

anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trương Thụy Bảo Q, chị Nguyễn Thị Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trương Thụy Bảo Q, chị Nguyễn Thị Xuân N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trương Thụy Bảo Q và chị Nguyễn Thị Xuân N thỏa thuận: Anh Trương Thụy Bảo Q chịu toàn bộ án phí thuận tình ly theo quy định là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/009914 ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho anh Trương Thụy Bảo Quốc 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường Kim Long, TP.Huế;
(ĐKKH số 16, ngày 21/3/2005)
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân